VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LÊ VĂN HÙNG

NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG TỚI NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG Ở VIỆT NAM

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển

Mã số : 62.31.01.05

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: 1.PGS.TS. BÙI QUANG TUẤN

2. TS. NGUYỄN THỊ HẢI VÂN

Hà Nội - 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, các số liệu nêu trong luận án là trung thực. Những kết luận khoa học của luận án chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả luận án

Lê Văn Hùng

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT ..... **ii**
DANH MỤC CÁC HÌNH ..... **iii**
MỞ ĐẦU **1**
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU **5**
1.1. Tình hình nghiên cứu trên thế giới 5
1.2. Những nghiên cứu về NSLĐ ở Việt Nam 9
CHƯƠNG 2 ..... **15**
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG VÀ CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG TỚI NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG **15**
2.1. Các khái niệm 15
2.2. Cơ sở lý luận về các yếu tố tác động tới năng suất lao động 18
2.3. Đo lường tác động của các yếu tố tới năng suất lao động 27
2.4. Kinh nghiệm quốc tế cải thiện năng suất lao động đối với Việt Nam 29
2.5. Một số bài học rút ra đối với Việt Nam 40
CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG VÀ TÁC ĐỘNG CỦA CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU TỚI NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG Ở VIỆT NAM **42**
3.1. Thực trạng tăng trưởng NSLĐ ở Việt Nam 42
3.2. Tác động của chuyển dịch cơ cấu tới năng suất lao động ở Việt Nam 51
3.3. Những vấn đề hạn chế trong mối quan hệ giữa chuyển dịch cơ cấu với tăng trưởng NSLĐ ở Việt Nam 61
CHƯƠNG 4: TÁC ĐỘNG CỦA CÁC YẾU TỐ SẢN XUẤT TỚI NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG Ở VIỆT NAM **77**
4.1. Các yếu tố tác động tới năng suất lao động ở Việt Nam 77
4.2. Những vấn đề hạn chế từ các yếu tố sản xuất tác động tới năng suất lao động ở Việt Nam 98
CHƯƠNG 5: NHỮNG KHUYẾN NGHỊ GIẢI PHÁP NHẰM NÂNG CAO NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG Ở VIỆT NAM **115**
5.1. Bối cảnh quốc tế và trong nước 115
5.2. Mô phỏng NSLĐ của Việt Nam bắt kịp các nước trong khu vực như hiện nay 119
5.3. Các nhóm giải pháp nâng cao NSLĐ ở Việt Nam 123
KẾT LUẬN **136**
TÀI LIỆU THAM KHẢO **140**

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

AEC		Cộng đồng kinh tế ASEAN
APO		Tổ chức năng suất Asian
BRICS		Nhóm các nước mới nổi
CDCC		Chuyển dịch cơ cấu
CIEM		Viện Quản lý Kinh tế trung ương
CN		Công nghiệp
DNNVV		Doanh nghiệp nhỏ và vừa
DV		Dịch vụ
FDI		Đầu tư trực tiếp nước ngoài
GDCK		Giao dịch chứng khoán
GDP		Tổng sản phẩm quốc nội
GSO		Tổng cục Thống kê
ILO		Tổ chức lao động quốc tế
KCN		Khu công nghiệp
KHCN		Khoa học công nghệ
MNCs	:	Các công ty xuyên quốc gia
MOLISA		Bộ Lao động và Thương binh xã hội
NSLĐ		Năng suất lao động
OECD		Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế
PPP		Ngang giá sức mua tương đương
R&D		Nghiên cứu và triển khai
TCTK		Tổng cục thống kê
TFP		Năng suất yếu tố tổng hợp
Tp.HCM		Thành phố Hồ Chí Minh
TPP		Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương
USD		Đồng đô la Mỹ
VNPI		Viện Năng suất Việt Nam
VPC		Trung tâm Năng suất Việt Nam
WDI		Chỉ số phát triển thế giới
WTO		Tổ chức thương mại thế giới

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Nhu cầu lao động kỹ thuật của Hàn quốc giai đoạn 1961-1966 31
Bảng 2.2: Một số thành tựu đổi mới sáng trong một số lĩnh vực của các công ty Israel 38
Bảng 3.1: Năng suất lao động phân theo ngành kinh tế (triệu đồng) 44
Bảng 3.2: Tốc độ tăng NSLĐ phân theo thành phần kinh tế % 46
Bảng 3.3: Đóng góp của CDCC kinh tế tới tăng trưởng NSLĐ: So sánh Việt Nam với các nước khu vực châu Á 56
Bảng 3.4: Đóng góp của các ngành vào tăng trưởng NSLĐ 1991-1997 và 1998-200058
Bảng 3.5: Đóng góp của các ngành vào tăng trưởng NSLĐ 2001-2007 và 2008-201159
Bảng 4.1: Số lượng NHTM Việt Nam giai đoạn 1991-2013 77
Bảng 4.2: Nguồn sử dụng đầu vào, linh phụ kiện của các doanh nghiệp.....83
Bảng 4.3: Cơ cấu dân số Việt Nam theo nhóm tuổi (%) 85
Bảng 4.4: Cơ cấu lao động làm việc phân theo trình độ tay nghề.....86
Bảng 4.5: Tỷ lệ lao động làm công ăn lương trong tổng số lao động có việc làm (%).87
Bảng 4.6: So sánh nhân lực khoa học của công viên công nghệ cao Việt Nam với Hàn Quốc.....92
Bảng 4.7: Các biến của mô hình.....93
Bảng 4.8: Tóm tắt số liệu sử dụng cho mô hình.....93
Bảng 4.9: Tương quan giữa NSLĐ và các yếu tố tác động.....94
Bảng 4.10: Kết quả các yếu tố tác động tới NSLĐ của Việt Nam 96
Bảng 4.11: Các hình thức FDI tại Việt Nam (%) 103
Bảng 4.12: So sánh thứ hạng về đổi mới công nghệ và nghiên cứu phát triển 110
Bảng 4.13: So sánh hàm lượng công nghệ trong sản phẩm công nghiệp chế biến 113
Bảng 5.1: Thời điểm Việt Nam bắt kịp các nước như hiện nay (2012) với các kịch bản tăng trưởng NSLĐ 122

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 2.1: Số nhà nghiên cứu R&D/1 triệu dân của Hàn Quốc 33
Hình 2.2: NSLĐ bình quân lao động của Hàn Quốc giai đoạn 1961-2015.....34
Hình 2.3: NSLĐ bình quân lao động của Israel giai đoạn 1961-2015 39
Hình 3.1: Tăng trưởng NSLĐ bình quân hàng năm theo giai đoạn phát triển 43
Hình 3.2: Đóng góp của các ngành vào năng suất lao động ở Việt Nam (%).....45

Hình 3.3: Khoảng cách NSLĐ giữa doanh nghiệp FDI với kinh tế trong nước 47
(số lần) 47
Hình 3.4: So sánh năng suất lao động của Việt Nam với thế giới.....47
Hình 3.5: Khoảng cách năng suất lao động của các nước so với Việt Nam (số lần) 48
Hình 3.6: Khoảng cách NSLĐ của các nước so với Việt Nam về giá trị tuyệt đối.....49
Hình 3.7: So sánh tăng trưởng NSLĐ bình quân hàng năm của Việt Nam với một số nước thời kỳ công nghiệp hóa (%) 50
Hình 3.8: So sánh tăng trưởng NSLĐ theo ngành của Việt Nam với một số nước trong khu vực 51
Hình 3.9: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Việt Nam từ sau đổi mới (%).....52
Hình 3.10: Chuyển dịch cơ cấu lao động phân theo khu vực kinh tế (%).....54
Hình 3.11: Đóng góp của chuyển dịch cơ cấu kinh tế tới tăng trưởng NSLĐ 55
ở Việt Nam 55
Hình 3.12: Tác động của chuyển dịch cơ cấu tĩnh và động tới tăng trưởng NSLĐ của Việt Nam.....57
Hình 3.13: Vốn đầu tư ngành nông - lâm - thủy sản so với tổng vốn đầu tư xã hội 63
Hình 3.14: Tỷ lệ lao động được trả lương so với tổng số lao động làm việc.....64
Hình 3.15: Đóng góp từ chuyển dịch cơ cấu tĩnh và động ngành nông nghiệp tới NSLĐ của Việt Nam (tính theo điểm %) 66
Hình 3.16: Chuyển dịch cơ cấu sản xuất ngành nông nghiệp 66
Hình 3.17: Diện tích các loại cây trồng phân theo nhóm cây (nghìn ha).....68
Hình 3.18: Tỷ lệ nội địa hóa của các doanh nghiệp điện tử 71
Hình 3.19: Xuất nhập khẩu linh kiện điện tử, máy tính nguyên chiếc và linh kiện (triệu USD).....72
Hình 3.20: Xuất nhập khẩu hàng dệt may (triệu USD) 72
Hình 3.21: Đóng góp từ chuyển dịch cơ cấu tĩnh và động ngành CN chế biến tới NSLĐ của Việt Nam 74
Hình 3.22: Đóng góp từ chuyển dịch cơ cấu tĩnh và động ngành thương mại dịch vụ tới NSLĐ của Việt Nam 75
Hình 3.23: Cơ cấu đóng góp vào GDP của các ngành dịch vụ theo tỷ lệ %.....76
Hình 4.1: Quy mô thị trường TP Việt Nam 2000-T6/2014 (% GDP).....78
Hình 4.2: Trang bị vốn cố định/lao động (giá so sánh 2010-triệu đồng) 79
Hình 4.3: Tăng trưởng vốn đầu tư xã hội và tăng trưởng NSLĐ bình quân 80
hàng năm theo giai đoạn (%).....80
Hình 4.4: Năng suất lao động theo thành phần kinh tế (triệu đồng) 81

Hình 4.5: Độ tuổi lao động bình quân đang làm việc theo thành phần kinh tế 82
Hình 4.6: Vốn FDI thực hiện và tăng trưởng NSLĐ 84
Hình 4.7: Số năm đi học trung bình của dân số trên 15 tuổi 88
Hình 4.8: Tỷ lệ lao động qua đào tạo (%) 88
Hình 4.9: Mối quan hệ giữa NSLĐ với các yếu tố sản xuất 95
Hình 4.10: Số lượng lao động khu vực nhà nước vẫn liên tục tăng 101
Hình 4.11: Tỷ lệ chi đầu tư phát triển trong tổng chi ngân sách nhà nước (%) 101
Hình 4.12: Mức độ dễ dàng trong tìm kiếm lao động có tay nghề và đầu tư tư nhân.107
cho đào tạo nhân viên 107
Hình 4.13: Số bài báo khoa học và kỹ thuật xuất bản của Việt Nam.....111
và một số nước (trên 1 triệu dân) 111
Hình 4.14: Tỷ lệ chi tiêu cho nghiên cứu và phát triển trên GDP (%).....112
Hình 5.1: Mô phỏng thời điểm Việt Nam bắt kịp NSLĐ với các nước hiện nay với giả
định tăng trưởng NSLĐ bình quân là 7%/năm.....120
Hình 5.2: Mô phỏng thời điểm Việt Nam bắt kịp NSLĐ với các nước hiện nay với giả
định tăng trưởng NSLĐ bình quân là 5%/năm.....121
Hình 5.3: Mô phỏng thời điểm Việt Nam bắt kịp NSLĐ với các nước hiện nay với giả
định tăng trưởng NSLĐ bình quân là 4%/năm.....122
Hình 5.4: Định hướng tập trung phát triển dựa trên lợi thế.....124

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, năng suất lao động (NSLĐ) là một trong những yếu tố giữ trò quan trọng đối với năng lực cạnh tranh của mỗi doanh nghiệp nói riêng và từng quốc gia nói chung. Theo Becker [69], Schultz [137] và Mincer [118] thì NSLĐ giữ vai trò tuyệt đối quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế và cải thiện năng lực cạnh tranh của doanh doanh nghiệp cũng như quốc gia. Lao động làm việc hiệu quả sẽ tạo ra những sản phẩm có thương hiệu tốt và chi phí sản xuất thấp so với các đối thủ để từ đó cải thiện năng lực cạnh tranh quốc gia.

Trong ba thập kỷ vừa qua, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam luôn ở mức cao so với khu vực và thế giới nhưng NSLĐ vẫn ở mức khá thấp so với các nước trong khu vực Đông Nam Á và châu Á. Kết quả, năng lực cạnh tranh quốc gia chậm được cải thiện [60]. Theo kết quả nghiên cứu của Tổ chức Năng suất Asian (APO) [66] thì tốc độ tăng NSLĐ của Việt Nam đang có xu hướng tăng chậm hơn so với giai đoạn trước đó. Tốc độ tăng trưởng NSLĐ của Việt Nam bình quân hàng năm giai đoạn 1991-1997 đặt 5,9% nhưng giai đoạn 2001-2007 giảm xuống chỉ còn 4,4%/năm và giai đoạn sau khi gia nhập WTO (2008-2014) chỉ đạt 3,5%/năm. Trong khi đó, những nước cạnh tranh trực tiếp với Việt Nam trong sản xuất và xuất khẩu như Trung Quốc có tốc độ tăng NSLĐ hàng năm khá cao (năm 2010 đạt 10%), Ấn Độ (6,65%), Thái Lan (5,94%), Malaysia (5,78%)[1].

So với các nước trong khu vực, năm 2014, NSLĐ của Việt Nam thấp hơn Thái Lan và Trung Quốc 2,7 lần. Thậm chí NSLĐ của Indonesia cũng cao gấp 1,9 lần của Việt Nam. Nếu so sánh với các nước phát triển hơn như Nhật Bản, Hàn Quốc, NSLĐ của Việt Nam có khoảng cách khá xa khi thấp hơn Nhật Bản 6,2 lần và Hàn Quốc 7 lần. Chính vì vậy, thứ hạng năng lực cạnh tranh của Việt Nam cũng bị đánh giá thấp hơn rất nhiều so với các nước trong khu vực. Theo Báo cáo cạnh tranh toàn cầu năm 2011-2012 thì thứ hạng năng lực cạnh tranh của Việt Nam là 65 tăng lên thứ 68 năm 2014-2015, trong khi thứ hạng của Singapore xếp thứ 2 thế giới trong cả 2 năm này, Malaysia xếp thứ 21 và tăng lên thứ 20 trong giai đoạn này, Thái Lan từ vị trí 39 đã tăng lên thứ 31, Trung Quốc xếp thứ 26 năm 2011-2012 và giảm xuống vị trí 28 năm 2014-2015 [147].

Từ tổng quan tài liệu cho thấy, đã có một số nghiên cứu liên quan tới chủ đề NSLĐ ở Việt Nam như VNPI [61], Marco Breu và cộng sự [27], Trung và Yoshinori

---

[1] Tính toán của tác giả từ số liệu của The Conference Board, United States (2015). Total economic database. Trang web:[http:// www.conference-board.org/data/economydatabase/]

Hara [143], CIEM và ACI [79], Ân và Tuệ Anh [4], APO-Asian Productivity Ogranization [66], APO [67], APO [68], VPC-Vietnam Productivity Centre [146], VPC [145]; Tăng Văn Khiên [26],... Tuy nhiên, những nghiên cứu này hầu hết chỉ mới dừng lại ở khâu mô tả thực trạng về NSLĐ của Việt Nam mà chưa nghiên cứu, phân tích sâu những yếu tố tác động tới NSLĐ cũng như nguyên nhân nào dẫn tới tình trạng này. Hơn nữa, những nghiên cứu này chỉ phân tích một lĩnh vực hoặc 1 số yếu tố đơn lẻ tác động tới NSLĐ hoặc ở cấp quốc gia, hoặc ở cấp doanh nghiệp.

Trước những khoảng trống nêu trên, tác giả đã lựa chọn đề tài "*Những yếu tố tác động tới năng suất lao động ở Việt Nam"* để nghiên cứu một cách hệ thống nhằm tìm ra những giải pháp hữu hiệu nhằm nâng cao NSLĐ của Việt Nam một cách bền vững trong giai đoạn tiếp theo một cách toàn diện.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

Mục tiêu nghiên cứu chung

Trên cơ sở phân tích thực trạng và đo lường tác động của các yếu tố tới NSLĐ, luận giải những hạn chế làm ảnh hưởng đến NSLĐ, luận án đưa ra các nhóm giải pháp để nâng cao NSLĐ ở Việt Nam.

Nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể

Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu trên, nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể của luận án là:

- Hệ thống hóa, xây dựng cơ sở lý luận và khung khổ lý thuyết về NSLĐ và các yếu tố tác động tới NSLĐ
- Làm rõ thực trạng NSLĐ và các yếu tố ảnh hưởng tới NSLĐ ở Việt Nam
- Lượng hóa tác động của các yếu tố tới NSLĐ ở Việt Nam;
- Xác định những nguyên nhân hạn chế việc nâng cao NSLĐ ở Việt Nam;
- Đề xuất các quan điểm và giải pháp nhằm cải thiện NSLĐ một cách bền vững ở Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

Đối tượng nghiên cứu

Những yếu tố tác động tới năng suất lao động ở Việt Nam từ sau đổi mới.

Phạm vi nghiên cứu

- *Về mặt nội dung vấn đề*: (i) Luận án chỉ tập trung nghiên cứu các yếu tố kinh tế tác động tới NSLĐ ở Việt Nam mà không xem xét các yếu tố xã hội, môi trường; (ii) Luận án chỉ xem xét các yếu tố ảnh hưởng tới năng suất lao động của nền kinh tế (ở cấp độ vĩ mô).

- *Về mặt thời gian*: + Về mặt định tính: luận án chủ yếu tập trung phân tích NSLĐ ở Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2001 cho đến nay

+ Về mặt định lượng: luận án sẽ sử dụng số liệu từ *đổi mới (1986)* cho đến nay

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Để có thể trả lời được những câu hỏi nghiên cứu nêu trên, luận án sẽ sử dụng kết hợp đồng thời cả hai phương pháp nghiên cứu đó là phương pháp định tính và phương pháp định lượng nhằm làm rõ các yếu tố tác động đến NSLĐ ở Việt Nam.

Về phương pháp nghiên cứu định tính

Đề tài sử dụng *phương pháp luận duy vật lịch sử* như là nền tảng xuyên suốt của luận án. Bên cạnh đó, luận án cũng sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như phân tích so sánh (so sánh đối chiếu NSLĐ giữa các giữa các giai đoạn thời gian khác nhau, giữa các thành phần kinh tế, hình thức sở hữu khác nhau; so sánh NSLĐ của Việt Nam với một số nước khác,…), phân tích thống kê (làm rõ xu hướng thay đổi của NSLĐ theo thời gian, các yếu tố ảnh hưởng tới NSLĐ,…), phân tích tổng hợp (phân tích thực trạng, nguyên nhân các yếu tố ảnh hưởng tới NSLĐ ở Việt Nam và khái quát thành bài học lý luận).

Về phương pháp nghiên cứu định lượng

- *Phương pháp phân tích:* Luận án sử dụng phương pháp phân tích thông qua mô hình kinh tế lượng để lượng hóa tác động của các yếu tố tới NSLĐ ở Việt Nam. Cụ thể, luận án sử dụng phương pháp Shift-Share mở rộng để đo lường tác động của chuyển dịch cơ cấu tới NSLĐ và sử dụng mô hình hàm sản xuất để đo lường tác động của các yếu tố sản xuất tới NSLĐ.

- *Phương pháp thu thập tài liệu và số liệu:* Luận án sẽ sử dụng nguồn tư liệu thứ cấp đã được công bố chính thức từ Tổng cục Thống kê (GSO), Bộ Lao động và Thương binh Xã hội (MOLISA), cùng với một số tổ chức quốc tế có uy tín lớn như Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), Ngân hàng thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB),…

Luận án sẽ sử dụng các tài liệu của các bộ, ban ngành đã được công bố chính thức và không chính thức, đã được xuất bản hoặc lưu hành nội bộ. Ngoài ra, các nghiên cứu của các học giả và tổ chức nước ngoài về NSLĐ và các yếu tố ảnh hưởng tới NSLĐ cũng sẽ được thu thập phục vụ cho đề tài.

5. Đóng góp mới về khoa học của luận án

Những đóng góp mới về mặt khoa học của luận án đó là:

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận, kinh nghiệm quốc tế và các phương pháp đo lường các yếu tố tác động tới NSLĐ